

KẾ HOẠCH

Cập nhật, chuẩn hóa, kết nối và hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục Hà Tĩnh phục vụ xây dựng Dashboard và Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hà Tĩnh

Thực hiện Thông báo số 586/TB-UBND ngày 22/8/2026 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 21/8/2026 về triển khai xây dựng Dashboard và Kho dữ liệu dùng chung, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát đầy đủ các nguồn dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Sở GDĐT; xác định rõ danh mục dữ liệu, bộ chỉ số, chỉ tiêu, trường dữ liệu và cấu trúc dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và lãnh đạo Sở.

- Chuẩn hóa, làm sạch, làm giàu và đồng bộ dữ liệu ngành GDĐT, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, thống nhất, có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu lên kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) và nền tảng Ứng dụng Công dân số Hà Tĩnh (i-HaTinh).

- Xác định rõ trách nhiệm của từng phòng và cá nhân trong việc quản lý, cập nhật, kiểm tra, xác nhận và cung cấp dữ liệu thuộc lĩnh vực được giao; xác định rõ đầu mối phối hợp kỹ thuật của Sở trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát phải đầy đủ, không bỏ sót các chỉ số, chỉ tiêu, trường dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Sở.

- Mỗi dữ liệu phải xác định rõ: nội dung dữ liệu; chỉ tiêu; đơn vị tính; tần suất cập nhật; thời điểm cập nhật; nguồn dữ liệu; đơn vị đầu mối cung cấp; người kiểm tra, xác nhận; phương thức cập nhật và khả năng kết nối.

- Dữ liệu đưa lên hệ thống phải bảo đảm tính chính xác, thống nhất, đầy đủ không bỏ sót các trường thông tin; các số liệu trước khi cung cấp phải được phòng, đơn vị chuyên môn kiểm tra, xác nhận.

- Việc xây dựng dữ liệu phải thực chất phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; ưu tiên các chỉ tiêu trọng yếu, có khả năng đo lường, so sánh, phân tích, dự báo và cảnh báo.

II. NỘI DUNG, PHẠM VI DỮ LIỆU RÀ SOÁT

1. Dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Cơ sở giáo dục; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; người học; trường/trung tâm, lớp học; chương trình, môn học; kết quả học tập, rèn luyện; tuyển sinh; cơ sở vật chất, thiết bị; tài chính và các dữ liệu khác thuộc phạm vi quản lý của ngành Giáo dục.

2. Dữ liệu Học bạ số của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thông tin người học; thông tin quá trình học tập, rèn luyện; kết quả học tập, đánh giá; thông tin lớp học, cơ sở giáo dục; ký số, phát hành, đồng bộ và lưu trữ; tình trạng học bạ số của người học và các dữ liệu khác thuộc phạm vi quản lý.

3. Dữ liệu phục vụ theo dõi các chương trình, nghị quyết, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh

Đối với các chương trình, nghị quyết, kế hoạch mà Sở GDĐT được giao chủ trì hoặc phối hợp tham mưu thực hiện, rà soát đầy đủ: Chỉ tiêu; Nhiệm vụ; Sản phẩm đầu ra; Tiến độ; Kết quả thực hiện; Mức độ hoàn thành; Đơn vị chủ trì; Đơn vị phối hợp; Nguồn dữ liệu; Tần suất cập nhật. Các chỉ tiêu phải có khả năng định lượng, đo lường và theo dõi trên Dashboard.

4. Các chỉ số kinh tế - xã hội thuộc trách nhiệm hoặc phối hợp của Sở GDĐT (ưu tiên rà soát, bảo đảm dữ liệu cho Dashboard).

Trên cơ sở bộ chỉ số KTXH dự kiến, Sở GDĐT xác định các chỉ số rà soát, chuẩn hóa và cung cấp dữ liệu lên Dashboard: Như phụ lục kèm theo.

III. NHIỆM VỤ, SẢN PHẨM VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Nhiệm vụ	Nội dung công việc chính	Sản phẩm/Kết quả	Thời hạn
1	Rà soát, lập danh mục dữ liệu	Rà soát toàn bộ dữ liệu đang quản lý; xác định nguồn dữ liệu, hệ thống/phần mềm, hồ sơ/bảng tính; phân loại dữ liệu đã có, thiếu, chưa chuẩn hóa; xác định khả năng kết nối, chia sẻ.	Danh mục dữ liệu ngành GDĐT	Hoàn thành trước 31/8/2026
2	Xác định bộ chỉ số, chỉ tiêu, trường	Xác định đầy đủ bộ chỉ số, chỉ tiêu; trường dữ liệu; đơn vị tính; kỳ cập nhật; nguồn dữ liệu;	Bộ chỉ số, chỉ tiêu; danh mục trường	Hoàn thành trước 05/9/2026

STT	Nhiệm vụ	Nội dung công việc chính	Sản phẩm/Kết quả	Thời hạn
	và cấu trúc dữ liệu	phương thức cập nhật; yêu cầu kết nối; người kiểm tra, xác nhận.	dữ liệu và cấu trúc dữ liệu từng nhóm.	
3	Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu	Kiểm tra trùng lặp, thiếu dữ liệu; thống nhất tên gọi, mã số, đơn vị tính, kỳ cập nhật; kiểm tra logic; đối chiếu giữa các nguồn; bổ sung dữ liệu còn thiếu.	Bộ dữ liệu được chuẩn hóa, làm sạch, có xác nhận của phòng/đơn vị phụ trách.	Hoàn thành trong tháng 9/2026
4	Kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu	Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị tư vấn xác định phương án kết nối đối với nguồn dữ liệu đủ điều kiện; dữ liệu chưa đủ điều kiện thực hiện cập nhật thủ công và xác định lộ trình tự động hóa.	Danh mục dữ liệu có khả năng kết nối tự động; danh mục dữ liệu cập nhật thủ công; phương án/lộ trình kết nối.	Hoàn thành trong tháng 9/2026

IV. CHỨC THỰC HIỆN

Các phòng, đơn vị khẩn trương tổ chức rà soát, thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch và phân công cán bộ đầu mối phối hợp thực hiện có hiệu quả.

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và tiến độ hoàn thành dữ liệu thuộc lĩnh vực được giao; không để xảy ra tình trạng thiếu, bỏ sót chỉ số, chỉ tiêu, trường dữ liệu hoặc cấu trúc dữ liệu liên quan.

1. Văn phòng Sở

- Đầu mối tham mưu Giám đốc Sở tổ chức triển khai Kế hoạch; tổng hợp danh mục dữ liệu của toàn Sở; theo dõi, đôn đốc tiến độ và tổng hợp kết quả thực hiện.

- Là đầu mối phối hợp kỹ thuật của Sở với Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị tư vấn; tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp và phản ánh các vấn đề phát sinh trong quá trình kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu.

- Chủ trì tổng hợp bộ chỉ số, chỉ tiêu, danh mục trường dữ liệu và cấu trúc dữ liệu do các phòng, đơn vị đề xuất; phối hợp thống nhất biểu mẫu cung cấp dữ liệu.

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm về dữ liệu thuộc lĩnh vực CSVN, thiết bị; trường, lớp; tài chính.

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, danh mục và kết quả do các phòng cung cấp; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo lãnh đạo Sở xem xét, chỉ đạo.

2. Phòng Tổ chức cán bộ

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm về dữ liệu thuộc lĩnh vực nhân sự: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- Xác định đầy đủ các chỉ số, chỉ tiêu, trường dữ liệu; tổ chức cập nhật, làm sạch, đồng bộ và xác nhận dữ liệu trước khi cung cấp

3. Phòng Giáo dục phổ thông

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm về dữ liệu Học sinh, trường chuẩn quốc gia và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- Thực hiện cập nhật, làm sạch, đồng bộ và xác nhận dữ liệu trước khi cung cấp.

4. Phòng Giáo dục Mầm non - Công tác học sinh, sinh viên

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm về dữ liệu tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp và các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- Thực hiện cập nhật, làm sạch, đồng bộ và xác nhận dữ liệu trước khi cung cấp.

5. Các đơn vị trực thuộc và đơn vị thực hiện chương trình GDTX cấp THPT

- Chủ trì rà soát, chuẩn hóa và chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu lên CSDL ngành (<http://csdl.moet.gov.vn>) và đồng bộ dữ liệu lên hệ thống đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”.

6. UBND các xã, phường

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý triển khai cập nhật lên CSDL ngành (<http://csdl.moet.gov.vn>) và đồng bộ dữ liệu lên hệ thống đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”.

Trong quá trình thực hiện, các vấn đề phát sinh về nghiệp vụ, dữ liệu và kỹ thuật được phản ánh về Văn phòng Sở để tổng hợp, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị tư vấn xử lý hoặc báo cáo Giám đốc Sở xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND các xã, phường;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, VP..

GIÁM ĐỐC

Bùi Nhân Sâm

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHỈ SỐ, CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KTXH TRONG
TÂM ĐUA LÊN DASHBOARD

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-GDDT ngày /8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	TÊN CHỈ SỐ KTXH	ĐƠN VỊ TÍNH	TẦN SUẤT BÁO CÁO	NGUỒN DỮ LIỆU CUNG CẤP CHỈ SỐ	
				Nhập thủ công Form	Lấy tự động qua API,...
XIII	NHÓM GIÁO DỤC				
1	Trường đạt chuẩn quốc gia			Nhập Form (hiện tại)	CDSL ngành GD Hà Tĩnh (sau khi hoàn thành)
-	Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	6 tháng , năm		
-	Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	%	6 tháng, năm		
-	Trường THCS đạt chuẩn quốc gia	%	6 tháng, năm		
-	Trường trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia	%	6 tháng, năm		
-	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia	%	Năm		
2	Tỷ lệ huy động trẻ	%	Năm	Nhập Form (hiện tại)	CDSL ngành GD Hà Tĩnh (sau khi hoàn thành)
-	Tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến lớp				
-	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đến lớp				
3	Số lượng học sinh các cấp học	Học sinh	6 tháng, năm		CDSL ngành GD Hà Tĩnh (sau khi hoàn thành)
-	Trường mầm non				
-	Trường tiểu học				
-	Trường THCS				
-	Trường trung học phổ thông				
4	Số lượng giáo viên	Người	6 tháng, năm	Nhập Form (hiện tại)	CDSL ngành GD Hà Tĩnh (sau khi hoàn thành)
4.1	Giáo viên Mầm non				
	Tổng số giáo viên hiện có				
	Nhu cầu giáo viên theo định mức				
	Số giáo viên thiếu/thừa so với nhu cầu				
4.2	Giáo viên Tiểu học				
	Tổng số giáo viên hiện có				
	Nhu cầu giáo viên theo định mức				
	Số giáo viên thiếu/thừa so với nhu cầu				
4.3	Giáo viên THCS				
	Tổng số giáo viên hiện có				
	Nhu cầu giáo viên theo định mức				

STT	TÊN CHỈ SỐ KTXH	ĐƠN VỊ TÍNH	TẦN SUẤT BÁO CÁO	NGUỒN DỮ LIỆU CUNG CẤP CHỈ SỐ	
				Nhập thủ công Form	Lấy tự động qua API,...
	Số giáo viên thiếu/thừa so với nhu cầu				
4.4	Giáo viên THPT				
	Tổng số giáo viên hiện có				
	Nhu cầu giáo viên theo định mức				
	Số giáo viên thiếu/thừa so với nhu cầu				
4.5	Giáo viên Trung tâm GDNN - GDTX				
	Tổng số giáo viên hiện có				
	Nhu cầu giáo viên theo định mức				
	Số giáo viên thiếu/thừa so với nhu cầu				
5	Số lượng cán bộ quản lý giáo dục	Người	6 tháng, năm	Nhập Form (hiện tại)	CDSL ngành GD Hà Tĩnh (sau khi hoàn thành)
5.1	Mầm non				
-	Số lượng hiện có				
-	Số vị trí còn thiếu				
-	Số vị trí cần kiện toàn				
5.2	Tiểu học				
-	Số lượng hiện có				
-	Số vị trí còn thiếu				
-	Số vị trí cần kiện toàn				
5.3	THCS				
-	Số lượng hiện có				
-	Số vị trí còn thiếu				
-	Số vị trí cần kiện toàn				
5.4	THPT				
-	Số lượng hiện có				
-	Số vị trí còn thiếu				
-	Số vị trí cần kiện toàn				
5.5	Trung tâm GDNN - GDTX				
-	Số lượng hiện có				
-	Số vị trí còn thiếu				
-	Số vị trí cần kiện toàn				